

Thang đo sức mạnh thị trường



16 Tháng Sáu 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Áp lực chốt lời mạnh khi kiểm định đỉnh lịch sử

Cổ phiếu nhóm ngân hàng và nhiều cổ phiếu khác chịu áp lực chốt lời mạnh mẽ từ nhà đầu tư đã khiến cho VN-Index đóng cửa với số mã giảm chiếm ưu thế khi 222 mã giảm và 176 mã tăng. Điều này làm cho VN-Index đóng cửa ghi nhận mức giảm gần 11 điểm đóng cửa ở mốc 1,356 điểm, tương ứng với mức giảm 0,79% so với phiên trước đó.

Được hưởng lợi tích cực từ giá dầu thế giới liên tục phá đỉnh nhiều năm liền đã giúp cho nhóm cổ phiếu dầu khi ghi nhận mức tăng điểm tích cực trong phiên hôm nay với sự đóng góp 1,7 điểm của GAS vào chiều tăng điểm. Tuy nhiên, đà tăng này vẫn không đủ bởi áp lực làm giảm điểm của VN-Index bởi VIC, VHM và HPG với điểm số tác động lần lượt đạt 2,4 điểm, 2,3 điểm và 1,7 điểm.

Khối ngoại vẫn tiếp tục ghi nhận trạng thái bán ròng của mình, tuy nhiên giá trị bán ròng có phần suy giảm khi ghi nhận hơn 103 tỷ đồng bán ròng trong phiên. Trong đó, MBB và KDC là 2 mã ghi nhận giá trị bán ròng nhiều nhất lần lượt đạt 172 tỷ và 149 tỷ. Ở chiều ngược lại, PDR và VCB là những mã thu hút dòng tiền mua ròng của khối này với giá trị lần lượt đạt 90 tỷ và 76 tỷ.

Với diễn biến giảm điểm khiến cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index giảm từ mức +2 điểm xuống còn mức +0 điểm và vẫn giữ nguyên mức đánh giá ngắn hạn ở mức TRUNG TÍNH..

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-3	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-5	TIÊU CỰC
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	6	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	3	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-5	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
VN-INDEX	1,356.52	-0.79	7.12	58.45
HNX	313.65	-1.46	6.42	171.58
UPCOM	88.82	-0.06	9.66	58.39
MSCI EM	1,378.27	-0.36	5.41	39.24
NIKKEI	29,291.01	-0.51	4.30	29.71
HANG	28,436.84	-0.70	1.46	16.81
KOSPI	3,278.68	0.62	3.98	53.35
FTSE	7,172.70	0.00	1.83	14.90
S&P 500	4,246.59	-0.20	1.74	35.90
NASDAQ	14,072.86	-0.71	4.79	42.21

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.58	2.72	14.85
SET INDEX	30.35	1.73	5.93
JCI INDEX	32.15	1.52	5.73
PCOMP	29.81	1.71	5.95

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.09	0	-7	-87
10 năm	2.19	-1	-17	-82

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,999	-0.21	0.20	0.91
US\$/KRW	1,117	0.00	1.59	8.07
US\$/JPY	110	0.15	-0.65	-2.37
US\$/EUR	0.82	-0.01	0.21	-7.12
US\$/GBP	0.71	-0.15	0.23	-10.88
US\$/SGD	1.33	0.12	0.72	5.17

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,004	996	474
HNX	180	161	65
UPCOM	59	63	29

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



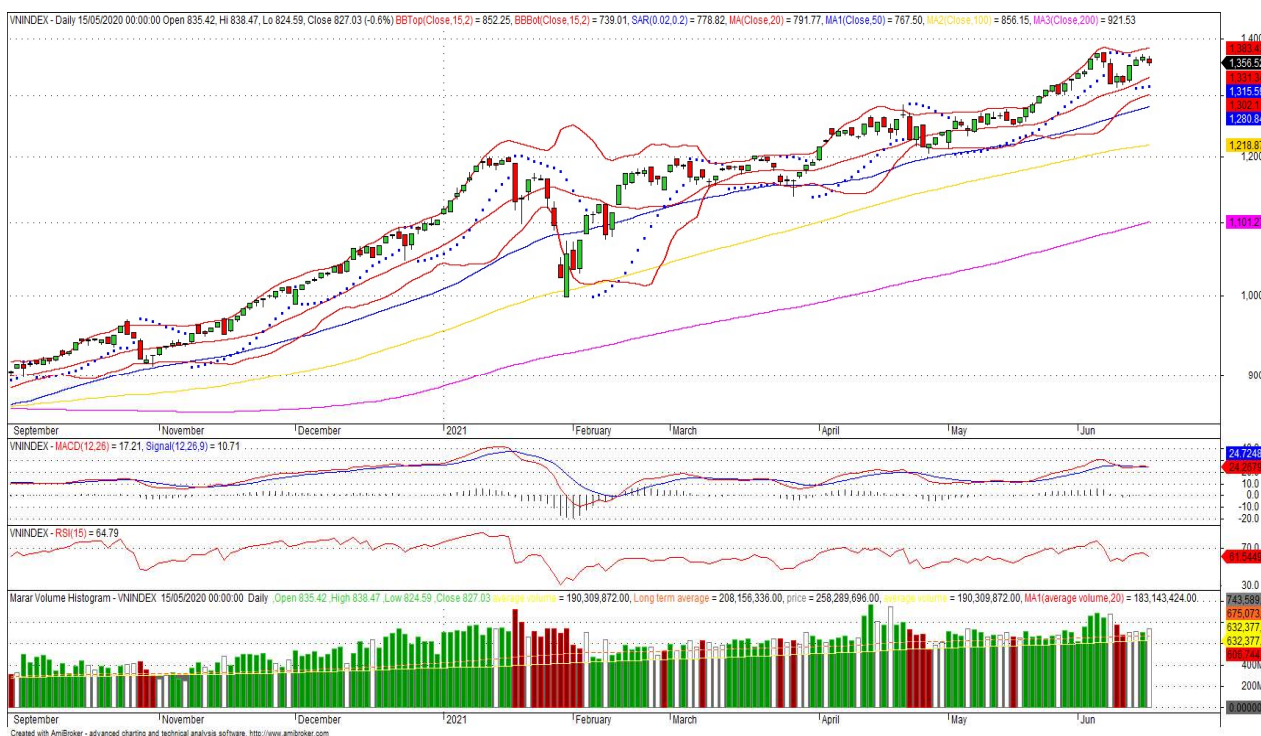
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-3	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (16/06/2021)	1,356,52	Kháng cự 1 1.400
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2 1.500
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.300
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.200

VN-Index rung lắc mạnh khi tiếp cận quanh vùng đỉnh lịch sử

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

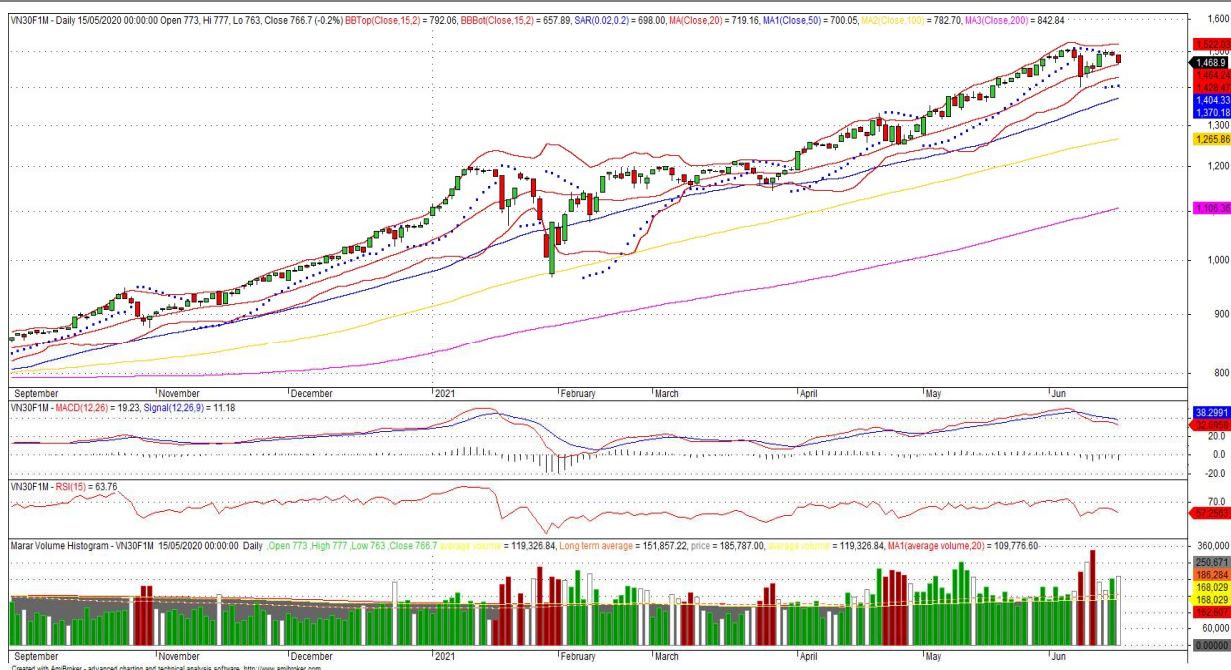
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (16/06/2021)	1.468	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.600
VN30 - đóng cửa	1.465	Hỗ trợ 1	1.400
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+3,32	Hỗ trợ 2	1.300

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-2	TRUNG TÍNH

Phiên ngày mai là phiên đảo hợ đồng phái sinh VN30F2106, hiện tại hợ đồng này đóng cửa trên ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn MA20 ngày

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	17.9	5,632,970	7	KHẢ QUAN	5,312	12.8	1.1
ACB	34.7	11,893,595	0	TRUNG TÍNH	93,758	10.9	2.5
AGR	13.5	3,247,620	0	TRUNG TÍNH	2,851	23.6	1.4
ART	10.1	8,096,865	-6	TIÊU CỰC	979	37.4	0.9
BID	45.3	5,823,265	-6	TIÊU CỰC	182,197	22.1	2.3
BSI	21.8	2,571,500	4	KHẢ QUAN	2,650	10.6	1.7
BSR	21	22,861,096	7	KHẢ QUAN	65,110	#N/A N/A	2.1
BVH	60.3	1,244,900	6	KHẢ QUAN	44,762	23.7	2.2
BVS	28.2	1,481,045	-4	TIÊU CỰC	2,036	10.8	1.0
CEO	10.4	4,331,595	0	TRUNG TÍNH	2,676	#N/A N/A	0.9
CII	18.8	2,607,795	-2	TRUNG TÍNH	4,491	337.9	0.9
CTG	50.5	16,271,515	-2	TRUNG TÍNH	188,032	10.6	2.1
CTR	92.3	656,045	2	TRUNG TÍNH	6,625	23.7	6.2
CTS	22.3	2,387,630	0	TRUNG TÍNH	2,373	9.1	1.6
DBC	59.9	2,137,215	6	KHẢ QUAN	6,903	4.7	1.5
DCM	19.7	4,341,065	5	KHẢ QUAN	10,429	17.6	1.6
DDV	14.9	3,203,035	0	TRUNG TÍNH	2,177	76.4	1.7
DGC	81	1,284,455	7	KHẢ QUAN	13,857	14.7	3.3
DGW	126	323,695	1	TRUNG TÍNH	5,569	16.5	4.3
DIG	26.3	7,002,025	-4	TIÊU CỰC	10,780	14.1	2.3
DRC	29.2	1,850,625	6	KHẢ QUAN	3,469	12.3	2.0
DXG	23.9	15,768,795	-6	TIÊU CỰC	12,387	#N/A N/A	1.9
FIT	15.6	8,868,005	5	KHẢ QUAN	3,974	58.4	1.3
FLC	13.75	26,004,676	6	KHẢ QUAN	9,762	7.1	1.0
FPT	83.1	2,805,970	-2	TRUNG TÍNH	75,411	20.3	4.5
GAS	91.9	1,033,045	7	KHẢ QUAN	175,892	23.3	3.5
GEX	22.5	5,598,040	-2	TRUNG TÍNH	17,577	13.4	1.9
GMD	42.2	2,989,785	5	KHẢ QUAN	12,718	33.9	2.1
GVR	32.05	6,063,660	7	KHẢ QUAN	128,200	29.4	2.7
HAH	29.95	1,707,295	4	KHẢ QUAN	1,419	8.6	1.2
HBC	15.9	5,379,960	7	KHẢ QUAN	3,671	41.5	1.0
HCM	44.5	6,847,575	6	KHẢ QUAN	13,574	18.1	2.9
HDB	33.8	6,272,650	0	TRUNG TÍNH	53,869	10.9	2.2
HDC	63	1,298,760	3	TRUNG TÍNH	4,190	15.7	3.4
HDG	41.85	1,819,205	-4	TIÊU CỰC	6,456	5.9	1.9
HNG	11.05	11,833,835	2	TRUNG TÍNH	12,250	470.6	1.4
HPG	51.8	30,480,470	-4	TIÊU CỰC	231,697	12.8	3.5
HQC	4.04	15,784,715	4	KHẢ QUAN	1,925	270.1	0.4
HSG	40.5	11,931,705	0	TRUNG TÍNH	19,808	8.2	2.4
HUT	8.4	7,183,475	7	KHẢ QUAN	2,257	#N/A N/A	0.8
IDC	39	4,987,870	4	KHẢ QUAN	11,700	37.3	3.2
IJC	32.5	7,913,050	2	TRUNG TÍNH	7,056	10.6	2.1
ITA	7.95	12,949,980	7	KHẢ QUAN	7,460	35.9	0.7
KBC	37.45	7,110,530	6	KHẢ QUAN	17,593	22.9	1.7
KDC	59.9	1,500,510	6	KHẢ QUAN	13,702	44.6	2.4
KDH	36.9	3,789,495	4	KHẢ QUAN	22,682	19.0	2.7
KSB	30.5	1,566,050	6	KHẢ QUAN	2,032	8.1	1.3
LCG	13.9	2,913,200	4	KHẢ QUAN	1,602	4.5	0.9
LPB	28	20,250,184	-5	TIÊU CỰC	30,090	13.4	2.0
LTG	43	1,049,670	7	KHẢ QUAN	3,466	11.1	1.2
MBB	38.7	25,156,020	-4	TIÊU CỰC	108,312	10.7	2.1
MBS	29.1	2,857,020	2	TRUNG TÍNH	6,844	16.1	2.5

MSN	104.2	1,684,160	-4	TIÊU CỰC	123,012	81.3	7.6
MWG	137	777,705	-2	TRUNG TÍNH	65,134	15.1	3.8
NKG	31.7	4,019,580	-4	TIÊU CỰC	5,452	9.5	1.6
NLG	38.75	3,864,115	-2	TRUNG TÍNH	11,054	9.7	1.7
NVB	18.2	8,201,870	-7	TIÊU CỰC	7,404	682.3	1.7
NVL	103.5	1,835,435	-2	TRUNG TÍNH	151,902	33.5	4.8
OIL	14.6	3,120,640	2	TRUNG TÍNH	15,100	#N/A N/A	1.6
PAN	28.8	1,438,225	7	KHẢ QUAN	6,016	30.6	1.7
PDR	92	4,788,185	6	KHẢ QUAN	44,783	34.1	8.4
PET	21.25	2,623,740	-4	TIÊU CỰC	1,776	11.5	1.1
PHR	56.7	887,845	6	KHẢ QUAN	7,683	8.0	2.4
PLX	56	4,381,830	0	TRUNG TÍNH	69,654	19.2	3.0
PNJ	95.1	480,665	-7	TIÊU CỰC	21,623	19.1	3.8
POW	12.05	13,049,765	2	TRUNG TÍNH	28,220	11.6	1.0
PVD	22.9	10,990,450	0	TRUNG TÍNH	9,644	149.3	0.7
PVS	29.3	18,060,604	4	KHẢ QUAN	14,004	21.3	1.1
PVT	21	6,395,920	2	TRUNG TÍNH	6,797	9.2	1.4
REE	56.9	770,325	0	TRUNG TÍNH	17,585	9.9	1.5
ROS	6.71	19,125,360	-2	TRUNG TÍNH	3,809	209.3	0.6
SBS	12.8	4,254,780	0	TRUNG TÍNH	1,621	1,411.2	7.8
SBT	21.1	2,825,435	2	TRUNG TÍNH	13,022	18.7	1.6
SCR	11.4	11,420,170	2	TRUNG TÍNH	4,176	23.6	0.9
SHB	27	31,291,044	-7	TIÊU CỰC	51,990	15.4	2.0
SHI	26.1	1,964,895	-7	TIÊU CỰC	2,378	31.3	2.1
SHS	41.5	12,499,635	2	TRUNG TÍNH	8,602	8.8	2.3
SSI	49.4	17,563,680	0	TRUNG TÍNH	32,276	17.8	2.8
STB	29.2	39,571,920	-6	TIÊU CỰC	52,667	19.5	1.8
SZC	41	1,130,075	7	KHẢ QUAN	4,100	19.4	3.1
TCB	50.7	18,320,764	-6	TIÊU CỰC	177,699	12.4	2.3
TCH	22.5	5,852,500	2	TRUNG TÍNH	8,981	8.8	1.6
TNG	24.4	2,440,130	6	KHẢ QUAN	1,941	13.0	1.6
TPB	35.6	5,553,495	-6	TIÊU CỰC	38,152	9.3	2.0
TSC	13.7	6,731,900	-4	TIÊU CỰC	2,023	139.8	1.3
VCB	104	2,472,105	4	KHẢ QUAN	385,723	18.2	3.8
VCI	98.5	2,771,980	2	TRUNG TÍNH	16,400	17.3	3.3
VCS	104.8	397,050	4	KHẢ QUAN	16,768	12.4	4.0
VGJ	17.3	3,246,150	-6	TIÊU CỰC	8,650	30.4	1.4
VHC	45.4	1,837,365	6	KHẢ QUAN	8,260	11.8	1.6
VHM	110	4,490,465	6	KHẢ QUAN	361,847	14.0	4.0
VIB	49.8	1,294,945	-5	TIÊU CỰC	77,347	14.8	4.0
VIC	119.1	2,171,975	2	TRUNG TÍNH	402,847	54.8	5.0
VIX	28.25	5,221,010	0	TRUNG TÍNH	3,608	5.4	1.7
VJC	116.5	549,300	6	KHẢ QUAN	63,098	51.6	4.2
VND	42.7	6,949,530	0	TRUNG TÍNH	9,160	12.6	3.3
VNM	91.8	3,712,215	4	KHẢ QUAN	191,858	19.6	6.1
VPB	66.8	42,035,696	-4	TIÊU CỰC	163,977	14.4	2.9
VPI	35.7	1,125,655	7	KHẢ QUAN	7,140	23.4	2.6
VRE	32.8	6,770,290	6	KHẢ QUAN	74,532	27.9	2.5

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

EU huy động đợt đầu 20 tỷ euro cho quỹ phục hồi kinh tế

Liên minh châu Âu (EU) ngày 15/6 cho biết họ huy động được 20 tỷ euro (24 tỷ USD) trong đợt phát hành trái phiếu đầu tiên trên thị trường cho quỹ phục hồi để giúp khối này vượt qua đại dịch Covid-19. Chủ tịch Ủy ban châu Âu (EC) Ursula von der Leyen nói: "Hôm nay chúng tôi tiến hành thành công đợt phát hành đầu tiên cho chương trình Next Generation EU". Theo bà von der Leyen, số tiền này huy động được trên thị trường vốn bằng cách phát hành trái phiếu 10 năm. Đây là đợt phát hành trái phiếu lớn nhất từ trước đến nay ở châu Âu. Bà von der Leyen cũng cho biết: "Vào cuối năm nay, chúng tôi dự kiến sẽ phát hành khoảng 100 tỷ euro trái phiếu và hối phiếu, và lợi suất của đợt phát hành đầu tiên sẽ được trả ở mức 0,1%. Điều này sẽ cho phép EU tài trợ cho tất cả các khoản trợ cấp và cho vay theo kế hoạch cho các quốc gia thành viên trong năm nay"

Giá dầu tăng 2%, tiếp tục lên đỉnh nhiều năm

Giá dầu Brent tương lai tăng 1,13 USD, tương đương 1,6%, lên 73,99 USD/thùng, trong phiên có lúc chạm 74,07 USD/thùng, cao nhất kể từ tháng 4/2019. Giá dầu WTI tương lai tăng 1,24 USD, tương đương 1,8%, lên 72,12 USD/thùng, trong phiên có lúc chạm 72,19 USD/thùng, cao nhất kể từ tháng 10/2018. pRussell Hardy, giám đốc điều hành của Vitol, nhận định giá dầu sẽ biến động trong khoảng 70 – 80 USD/thùng cho đến hết năm nay với kỳ vọng OPEC cùng đồng minh, tức OPEC+, giữ kỷ luật nguồn cung, ngay cả khi sản lượng từ Iran có thể quay lại thị trường nếu thỏa thuận hạt nhân với các cường quốc được hồi sinh.

Xuất khẩu cá tra sang EU giảm hơn 26% so với cùng kỳ

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP) cho biết, tính đến nửa đầu tháng 5, tổng giá trị xuất khẩu cá tra sang thị trường EU đạt 39,4 triệu USD, giảm 26,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá trị xuất khẩu sang Hà Lan giảm 21,7%; Tây Ban Nha giảm 33%; Đức giảm 50,8% và Bỉ giảm 38,2%. Như vậy, 3 năm trở lại đây, giá trị xuất khẩu cá tra sang EU vẫn chưa thể thoát khỏi mức tăng trưởng âm. Theo nguồn tin từ một số nhà nhập khẩu lớn của EU, năm 2020, thị trường thủy sản EU bị ảnh hưởng bởi Covid-19. Các biện pháp giãn cách ở Italy, Pháp, Đức... tác động không nhỏ tới lưu thông vận chuyển hàng hóa nội khối và ngoại khối. Đầu năm nay, thị trường bán lẻ EU tăng 30% so với năm trước. Tuy nhiên ngành dịch vụ thực phẩm (nhà hàng, khách sạn...) vẫn rất chậm

KLB: sẽ chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 13%

HDQT Kienlongbank ([UPCoM: KLB](#)) thông qua tăng vốn điều lệ, theo phương án phát hành gần 41,6 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2020, tương đương tỷ lệ 13%. Thời gian dự kiến phát hành chậm nhất là ngày 30/9 sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam chấp thuận. Thời gian dự kiến hoàn thành tăng vốn trước 31/12. Sau khi hoàn tất, vốn điều lệ Kienlongbank sẽ tăng từ 3.236 tỷ đồng lên 3.653 tỷ đồng. Năm nay,

Kienlongbank đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 1.000 tỷ đồng. Trong khi đó, quý I, ngân hàng lãi trước thuế hơn 700 tỷ đồng, gấp 12,3 lần so với cùng kỳ 2020 và thực hiện 70% kế hoạch năm

GAS: chốt quyền trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 30%

Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas, [HoSE:GAS](#)) thông báo ngày 29/6 là ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 30% (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 3.000 đồng). Ngày chi trả dự kiến là 6/10. Với hơn 1,9 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, PV Gas dự kiến sẽ chi khoảng 5.742 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông. Năm ngoái, công ty ghi nhận 64.135 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 14% so với năm trước; lợi nhuận sau thuế giảm 34% xuống mức 7.972 tỷ đồng, tương đương 120% kế hoạch. Với kết quả đạt được, cổ đông thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 30%. Tại thời điểm 31/12/2020, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ở mức 10.029 tỷ đồng, quỹ đầu tư phát triển 18.853 tỷ đồng và vốn điều lệ gần 19.140 tỷ đồng

VCG: rót hơn 1.200 tỷ đồng cho 2 công ty con

HĐQT Vinaconex ([HoSE:VCG](#)) vừa công bố quyết định góp thêm 600 tỷ đồng vào Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng để tăng vốn điều lệ của công ty con lên 800 tỷ đồng. Đồng thời, Vinaconex bổ sung 620 tỷ đồng để tăng vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Vinaconex Đầu tư lên mức 1.500 tỷ đồng. Việc góp thêm 1.220 tỷ đồng vào các mảng bất động sản và đầu tư dự kiến thực hiện trong quý II-III/2021. Đây là 2 công ty con thuộc sở hữu 100% của Vinaconex và trụ sở được đặt cùng tòa nhà Vinaconex ở quận Đống Đa, Hà Nội.

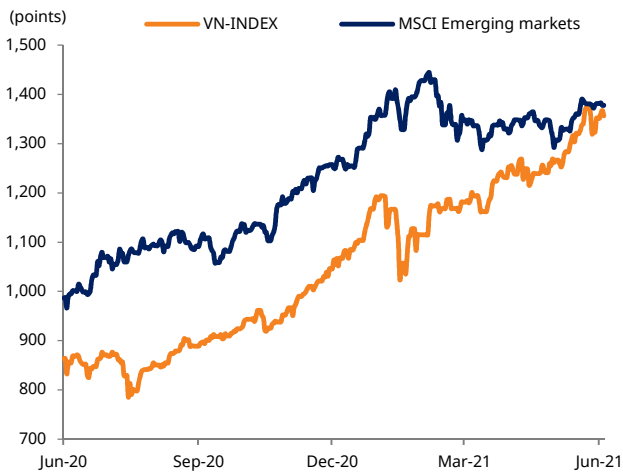
IDC: bán thêm Thủy điện Đắk Mi cho Bitexco

HĐQT Tổng Công ty Idico ([HNX: IDC](#)) vừa thông qua nội dung hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Thủy điện Đắk Mi cho Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco. Đây là giao dịch với người có liên quan ông Vũ Quang Bảo – Thành viên HĐQT Idico và là người đại diện theo pháp luật cho Bitexco. Idico đang sở hữu 26 triệu cổ phần, tương đương với 26% vốn Thủy điện Đắk Mi. Toàn bộ lượng cổ phần này sẽ được chuyển nhượng cho Bitexco. Thủy điện Đắk Mi là 1 trong 5 công ty liên kết thuộc Idico với vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng. Cụm thủy điện Đắk Mi 4A,B,C và Đắk Mi 3 có tổng công suất 271MW, đã vận hành phát điện với sản lượng bình quân hàng năm hơn 1 tỷ kWh.

SCS chốt quyền trả cổ tức còn lại năm 2020 tỷ lệ 50%

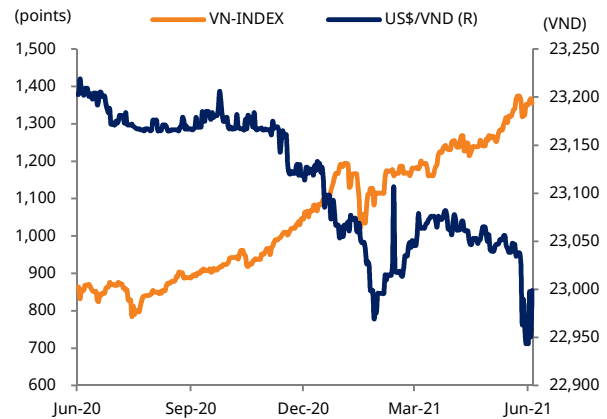
Công ty Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn ([HoSE: SCS](#)) thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức còn lại năm 2020 với tỷ lệ 50% (1 cổ phiếu được nhận 5.000 đồng). Với hơn 50 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi trong đợt này là hơn 250 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng vào 30/6 và thời gian thanh toán dự kiến 15/7. Năm ngoái, công ty dịch vụ hàng hóa này cũng gặp nhiều khó khăn chung của lĩnh vực hàng không nhưng mức độ ảnh hưởng thấp hơn. Doanh thu ghi nhận mức giảm 7% xuống 693 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế giảm 8% về 464 tỷ đồng.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



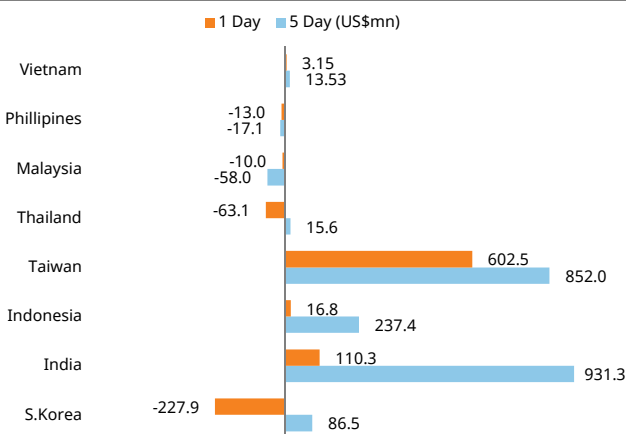
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



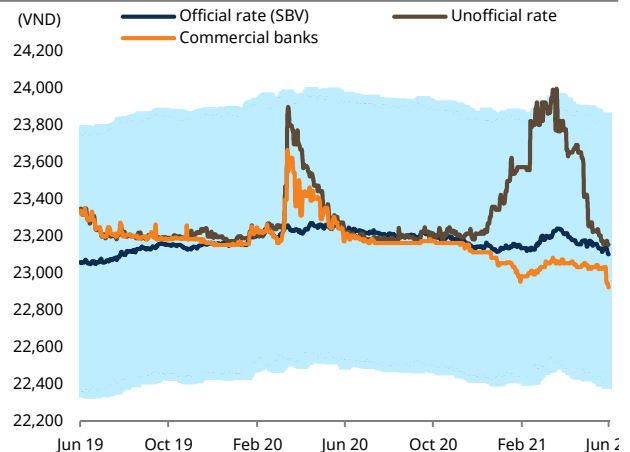
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



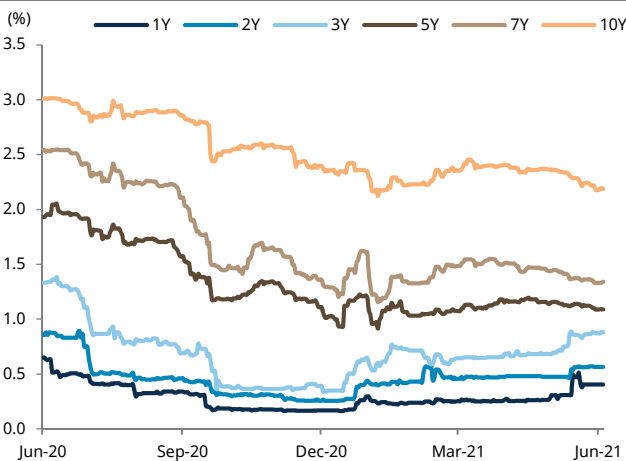
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



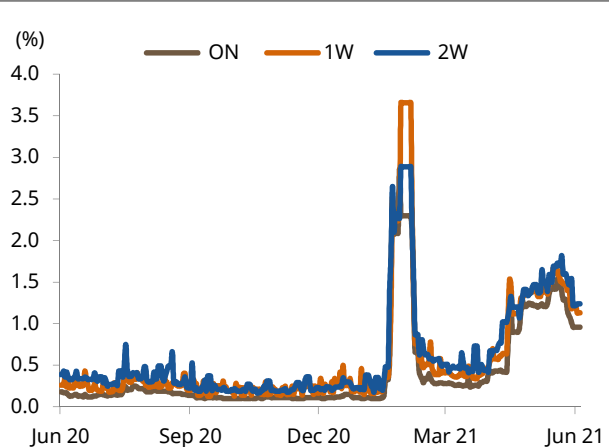
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,465.58	3,606,468		-1.4	0.5	6.2	83.5	14.3	12.1	2.6	2.2	14.5	18.3	22.8	20.6
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	45,300	182,197	16.7	0.9	-0.3	7.0	11.3	19.3	14.1	2.0	1.7	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	60,300	44,762	27.2	-1.5	6.9	8.1	22.6	26.1	23.2	2.1	2.0	11.1	12.8	8.4	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	50,500	188,032	25.3	-3.1	0.0	7.4	117.2	11.6	9.6	1.9	1.6	18.5	21.0	19.8	20.0
CTCP FPT	FPT VN	83,100	75,411	49.0	-0.1	1.7	12.7	105.1	18.9	15.5	4.1	3.6	22.8	21.9	25.6	26.4
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	91,900	175,892	2.5	3.6	5.1	9.3	25.7	17.5	16.3	3.3	3.1	30.3	7.6	20.2	20.3
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	33,800	53,869	17.4	-2.7	1.2	8.3	104.3	9.9	8.0	1.8	1.5	28.5	23.5	21.8	21.2
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	51,800	231,697	26.2	-2.6	3.0	13.9	220.3	8.6	8.1	2.6	2.0	111.3	6.7	38.9	28.5
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	36,900	22,682	31.6	0.0	4.3	9.0	82.9	19.2	15.1	2.5	2.1	2.6	27.1	14.2	15.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	38,700	108,312	21.7	-1.5	0.4	17.3	158.1	9.8	8.4	1.9	1.5	33.2	17.0	21.2	20.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	104,200	123,012	32.8	-2.2	-0.3	-3.6	80.9	45.5	25.9	6.0	4.8	117.1	75.8	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	137,000	65,134	49.0	-0.7	0.4	-3.9	62.3	12.6	10.0	3.2	2.6	25.9	25.3	28.1	28.3
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	103,500	151,902	8.1	-0.5	-2.6	4.7	150.9	34.8	29.9	4.2	4.4	1.4	16.4	16.5	12.6
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	92,000	44,783	3.0	-0.5	11.9	27.8	393.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	56,000	69,654	17.1	2.2	4.1	2.2	26.4	20.6	17.1	2.9	2.8	295.9	20.5	15.7	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	95,100	21,623	49.0	-0.9	-0.7	1.0	61.7	16.2	12.7	3.5	2.8	36.6	27.1	24.6	24.0
TCT Điện Lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,050	28,220	3.1	0.0	-0.4	-1.6	12.6	13.5	11.5	0.9	0.9	-10.7	17.8	7.3	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	56,900	17,585	49.0	0.0	2.5	1.6	85.3	9.8	7.8	1.4	1.2	10.3	25.1	12.7	15.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	21,100	13,022	8.8	2.9	0.5	4.5	41.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	49,400	32,276	47.5	-5.0	5.8	39.9	225.0	20.3	15.8	NA	NA	24.5	28.2	14.3	16.2
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	29,200	52,667	11.6	-3.0	-1.4	10.6	145.4	25.1	17.1	1.7	1.6	-6.8	46.3	8.8	11.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	50,700	177,699	22.5	-3.1	-0.2	4.2	146.1	10.9	9.3	2.0	1.6	31.8	17.4	19.8	19.2
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,500	8,981	14.6	0.9	2.3	0.0	4.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	35,600	38,152	30.0	-1.1	-0.8	11.4	107.1	8.3	7.1	1.7	1.4	25.9	17.9	23.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	104,000	385,723	23.3	1.2	2.0	7.3	24.3	16.9	14.2	3.3	2.7	37.4	19.7	22.1	21.7
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	110,000	361,847	22.6	-2.3	3.7	13.2	46.9	11.9	10.9	3.1	2.5	11.5	8.9	31.2	26.8
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	119,100	402,847	14.1	-2.1	0.3	-4.9	27.5	58.6	43.7	4.3	3.9	20.2	34.0	7.8	9.5
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	116,500	63,098	18.3	-0.4	1.0	-1.2	8.2	155.3	23.8	3.4	2.8	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	91,800	191,858	54.7	-1.2	3.0	2.6	-5.8	18.7	17.6	5.8	5.5	3.0	6.3	33.9	34.5
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	66,800	163,977	15.4	0.5	-7.0	0.3	200.9	11.8	10.4	2.2	1.8	32.5	13.4	21.6	18.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	32,800	74,532	30.4	-0.2	3.5	7.0	22.6	25.7	20.7	2.4	2.1	21.8	24.2	9.3	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-10.84	5,129,515	-0.8	1.8	7.1	58.4	16.4	13.6	2.6	2.3	13.2	21.0	19.4	18.7
Ô tô và phụ tùng	0.00	8,524	-0.2	3.7	3.8	47.2	5.9	5.5	1.2	1.1	35.0	8.4	12.0	11.5
Ngân hàng	-5.14	1,699,457	-1.0	-2.5	9.2	77.9	13.8	11.0	2.2	1.9	31.0	23.0	18.7	18.5
Xây dựng cơ bản	0.41	181,291	1.0	2.8	3.9	71.3	5.8	4.6	0.4	0.3	9.2	28.7	5.4	6.1
Dịch vụ thương mại	-0.01	4,495	-0.6	-0.1	3.6	20.7	7.1	5.6	NA	NA	18.8	27.9	10.1	12.2
May mặc và trang sức	-0.01	43,655	-0.1	-0.4	3.1	128.1	11.7	9.7	2.4	2.0	47.4	20.2	17.9	17.3
Dịch vụ tiêu dùng	0.01	8,274	0.6	1.8	0.3	9.2	NA	9.3	NA	NA	NA	NA	-7.3	5.1
Dịch vụ tài chính	-0.52	87,470	-2.0	5.0	36.7	216.1	10.8	5.8	0.5	NA	23.3	28.2	8.0	6.0
Năng lượng	0.45	89,082	1.9	3.4	5.3	43.0	21.8	16.5	2.4	2.4	NA	28.5	13.6	14.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.92	525,607	-0.6	0.6	3.6	24.5	23.3	17.3	4.6	4.1	37.6	28.3	20.8	22.0
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.01	968	4.0	-5.5	11.6	26.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.01	1,860	-1.7	-0.5	-0.7	-1.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.15	52,917	-1.0	6.0	9.6	25.2	23.1	20.4	1.9	1.8	11.6	13.7	7.7	8.4
Nguyên vật liệu	-1.46	500,965	-0.8	2.8	14.7	164.4	14.0	13.4	2.0	0.9	79.6	-1.4	23.0	17.6
Giải trí và truyền thông	0.00	1,535	-0.5	-1.9	-9.0	-26.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.17	36,789	0.6	3.2	10.5	67.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-5.20	1,245,941	1.9	2.3	9.6	32.4	9.2	7.9	1.5	1.0	10.7	14.4	9.1	9.6
Bán lẻ	-0.12	73,709	-1.5	2.3	5.4	67.0	28.6	22.4	3.0	2.7	19.6	19.7	15.0	14.1
Phần mềm và dịch vụ	-0.04	79,733	-0.6	0.2	-3.1	60.2	11.8	9.3	2.9	2.4	38.8	24.3	25.2	25.5
Thiết bị và phần cứng	0.01	5,569	-0.2	-0.5	12.1	101.4	17.7	14.5	3.9	3.4	29.9	19.3	24.0	24.7
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,487	0.8	0.8	-3.8	345.2	13.3	11.4	3.5	2.8	52.0	16.9	28.7	27.1
Vận tải	-0.46	162,272	0.5	-1.0	22.2	195.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	1.79	261,222	-1.0	-0.3	1.9	24.6	63.6	11.8	27.0	1.3	NA	NA	-71.6	-35.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GAS VN	91,900	3.6	2,150,100	1.7
VCB VN	104,000	1.2	2,898,400	1.2
BID VN	45,300	0.9	4,217,600	0.4
PLX VN	56,000	2.2	4,148,100	0.4
VCG VN	49,200	5.1	613,600	0.3
GVR VN	32,050	0.8	7,694,800	0.3
VPB VN	66,800	0.5	24,074,100	0.2
DBC VN	59,900	7.0	3,408,600	0.1
PME VN	82,300	6.9	500	0.1
FLC VN	13,750	4.2	28,986,700	0.1

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	119,100	-2.1	1,180,600	-2.4
VHM VN	110,000	-2.3	4,021,200	-2.3
HPG VN	51,800	-2.6	28,929,200	-1.7
CTG VN	50,500	-3.1	21,380,600	-1.6
TCB VN	50,700	-3.1	20,575,900	-1.5
MSN VN	104,200	-2.2	1,031,500	-0.7
VNM VN	91,800	-1.2	3,041,200	-0.6
SSB VN	39,800	-3.6	1,489,700	-0.5
ACB VN	34,700	-1.8	8,211,200	-0.5
SSI VN	49,400	-5.0	22,090,600	-0.5

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.